

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 27/8/2024

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Bình

Ông Phạm Viết Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị Lệ Q**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Số D- N - Ecohome3 - T - Đ- B- TP Hà Nội**. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hoà giải và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị **Đàm Thị Lệ Q** trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh **Bùi Văn T** vào ngày 30/5/2023 do hai bên tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Bùi Văn T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Bùi Đàm Anh Q1**, sinh ngày 24/4/2023, hiện con đang ở với chị tại địa chỉ: **Số D- N – Ecohome3 - T - Đ- B- TP Hà Nội**. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh **Bùi Văn T** cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Chị **Đàm Thị Lệ Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh **Bùi Văn T**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lần thứ 01, lần thứ 02; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 01, lần thứ 02; Quyết định đưa xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **Bùi Văn T**, nhưng anh không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2024 ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1966; địa chỉ: **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** là bố đẻ anh **Bùi Văn T** cho biết: Anh **Bùi Văn T** đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt cho anh gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng do anh **T** đi làm ăn xa nên anh không về Tòa án làm việc được, ý kiến anh **Bùi Văn T** như sau:

Về hôn nhân: Anh **Bùi Văn T** không đồng ý ly hôn với chị **Đàm Thị Lệ Q**, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Bùi Đàm Anh Q1**, sinh ngày 24/4/2023, hiện con đang ở với chị **Đàm Thị Lệ Q**, anh **T** không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Anh **Bùi Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn; bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Đàm Thị Lệ Q** được ly hôn anh **Bùi Văn T**.

Về nuôi con chung: Giao con chung là **Bùi Đàm Anh Q1**, sinh ngày 24/4/2023 cho chị **Đàm Thị Lệ Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Bùi Văn T**.

Về chia tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị **Đàm Thị Lệ Q** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn Toà án đang thụ lý vụ việc theo Luật hoà giải đôi thoai tại Toà án thì anh **Bùi Văn T** đã nhận được Giấy mời tham gia hoà giải của hoà giải viên, anh cho rằng anh sinh sống, làm việc và tạm trú tại địa chỉ: **Số C, Khu phố A, Phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương** từ tháng 01/2024, do đó ngày 10/4/2024 anh có đơn đề nghị Toà án chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì Toà án đã ra thông báo số 70/TB-TA ngày 14/6/2024 về việc yêu cầu anh **Bùi Văn T** cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc anh đang sinh sống và tạm trú tại địa chỉ **số C, Khu phố A, Phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương** từ tháng 01/2024 và tổng đạt hợp lệ cho anh **Bùi Văn T** nhưng anh không cung cấp cho Toà án.

Kết quả xác minh ngày 17/6/2024 tại **Công an xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** thì anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1991 có nơi thường trú tại: **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Kiểm tra qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư về quốc gia thể hiện anh **Bùi Văn T** không có đăng ký tạm trú tại: **Số C, Khu phố A, Phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

Toà án đã có văn bản số 70/TA ngày 10/7/2024 yêu cầu **Công an Phường A, Thành phố T** cung cấp thông tin về việc anh **Bùi Văn T** có tạm trú và sinh sống tại: **Số C, Khu phố A, Phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương** hay không.

Tại công văn số 11/CV-CAP ngày 18/7/2024 của **Phường A, Thành phố T** về việc trả lời xác minh của Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An như sau: **Công an Phường A** đã tiến hành xác minh tại địa chỉ **số C, Khu phố A, Phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương**, được biết anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1991; Nơi thường trú: **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** không đăng ký thường trú, tạm trú và không sinh sống tại địa chỉ trên.

Như vậy việc anh **Bùi Văn T** cho rằng anh sinh sống, làm việc và đăng ký tạm trú tại **số C, Khu phố A, Phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương** là không có căn cứ. Anh **Bùi Văn T** có nơi thường trú tại **Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An**, do đó Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà bị đơn anh **Bùi Văn T** vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **Đàm Thị Lệ Q** và anh **Bùi Văn T** là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An** vào ngày 30/5/2023. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng sống ly thân từ sau khi kết hôn. Chị **Đàm Thị Lệ Q** xin ly hôn thì anh **Bùi Văn T** không đồng ý, nhưng anh không đến Toà án để làm việc, hoà giải chứng tỏ anh không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị **Đàm Thị Lệ Q** và anh **Bùi Văn T** chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đàm Thị Lệ Q**, xử cho chị được ly hôn với anh **Bùi Văn T** là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Bùi Đàm Anh Q1**, sinh ngày 24/4/2023 hiện con đang ở với chị **Đàm Thị Lệ Q** tại địa chỉ: Số D- N – Ecohome3 - T - Đ - TP Hà Nội. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh **Bùi Văn T** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Bùi Văn T** không đến Toà án làm việc, nên không biết được ý kiến của anh về việc nuôi con.

Xét thấy hiện nay con đang dưới 36 tháng tuổi, chị **Đàm Thị Lệ Q** có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con, do đó giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của con, đúng với quy định tại các Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị **Đàm Thị Lệ Q** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Bùi Văn T**.

[4] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Đàm Thị Lệ Q** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Xử cho chị **Đàm Thị Lệ Q** được ly hôn anh **Bùi Văn T**.

Về nuôi con chung: Giao con chung là **Bùi Đàm Anh Q1**, sinh ngày 24/4/2023 cho chị **Đàm Thị Lệ Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Bùi Văn T**.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng

hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án
Về án phí: Chị **Đàm Thị Lệ Q** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0011797 ngày 08/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã Thanh Xuân; H. T/Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

